SỞ Y TẾ CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446 /TM-KSBT

Cao Bằng, ngày 20 tháng 02 năm 2023

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn năm 2023-2024

Kính gửi: Các Công ty/đơn vị kinh doanh Trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm trong và ngoài tỉnh Cao Bằng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật có nhu cầu mua trang thiết bị, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn năm 2023-2024, cụ thể như sau:

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

1. Địa điểm gửi Bản chào giá của Nhà cung cấp:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206.3855.666

2. Bản chào giá ngoài các thông tin tại phụ lục đính kèm phải đầy đủ các thông tin về: hiệu lực của báo giá, xuất xứ hàng hoá,…

3. Hạn chót để nộp chào giá là trước 16h00 ngày 27/02/2023.

4. Bản chào giá được gửi trực tiếp hoặc điện tín đều được chấp nhận.

5. Các điều kiện cung cấp khác như sau:

Giá cả: Giá chào phải bao gồm các loại thuế, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan ...).

Đồng tiền: Giá chào hàng phải được chào bằng Việt Nam đồng.

Thanh toán: thanh toán 100% bằng cách chuyển khoản.

Địa điểm giao hàng: Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

6. Các thông tin chi tiết sẽ được cung cấp tại:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng.

Địa chỉ: Tổ 11, phường Sông Bằng, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Điện thoại: 0206.3855.666

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm của các đơn vị./.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Bế Thị Bạch

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm theo TT14	Đơn vị tính	Số lượng
I.	**Hóa chất Sinh Hóa**				
1	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất 1 (R1) - Good's buffer pH 7.0: 25 mmol/L - 4-Aminoantipyrine: 0.75mmol/L - Peroxidase (POD): 2000U/L - Ascorbate oxidase: 2250U/L - Anti human lipoprotein Ab (cừu) Hóa chất 2 (R2) - Good's buffer pH 7.0: 30 mmol/L - Cholesterol Esterase (CHE): 4 kU/L - Cholesterol Oxidase (CHO): 20 kU/L - N-Ethyl-N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxy-4-Flouroaniline, muối sodium (F-DAOS): 0.8 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	3
2	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1 - Sodium Hydroxide: 0.2 mol/L Hóa chất R2 - Picric Acid: 20 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	4
3	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1 - Tris buffer pH 7.8: 150 mmol/L - 2-oxiglutarate: 9 mmol/L - ADP: 0.75 mmol/L - Urease: ≥ 7 KU/L - GLDH (Glutamate dehydro: ≥ 1 KU/L Hóa chất R2 - NADH: 1.3 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	4
4	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1 - Tris pH 7.8: 110 mmol/L - L-Aspartate: 340 mmol/L - MDH: 0.5 kU/L - LDH: 1.1 kU/L Hóa chất R2 - 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L - NADH: ≥ 1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	8

5	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất 1 (R1) - Tris, pH 7.5: 138 mmol/L - L-Alanine: 709 mmol/L - LDH: 1500 U/L Hóa chất 2 (R2) - 2-Oxoglutarate: 85 mmol/L - NADH: ≥1 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	8
6	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: - Phosphate buffer pH 7.5: 250 mmol/L - Phenol: 5 mmol/L - 4-Aminoanitipyrine: 0.5 mmol/L - Glucose Oxidase (GOD): ≥ 10 kU/L - Peroxidase (POD): ≥ 1 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	5
7	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: - Good's buffer pH 6.7 : 50 mmol/L - Phenol: 5 mmol/L - 4-Aminoantiprine : 0.3 mmol/L - Cholesterol esterase : ≥ 200 U/L - Cholesterol oxidase : ≥ 50 U/L - Peroxidase : ≥ 3 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	4
8	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: - Good's buffer pH 7.2: 50 mmol/L - 4 Chlorophenol: 4 mmol/L - Mg2+: 15 mmol/L - ATP: 2 mmol/L - Glycerolkinase (GK): ≥ 0.4 kU/L - Peroxidase (POD): ≥ 2 kU/L - Lipoprotein lipase (LPL): ≥ 2 kU/L - 4-Aminoantipyrine: 0.5 mmol/L - Glycerol-3-phosphate-oxidase (GPO): ≥ 0.5 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	4
9	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất R1 - Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L - TBHBA: 1.25 mmol/L Hóa chất R2 - Phosphate buffer pH 7.0 : 100 mmol/L - 4-Aminoantipyrine: 1.5 mmol/L - K4¬[Fe(CN)6]: 50 µmol/L - POD: ≥ 10 kU/L - Uricase: ≥ 150 U/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3	Hộp	4

10	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: R1 pH 10.7 - Ethanolamine: 750 mmol/L R2 pH 1.1 - o-Cresolphtalein complexone: 0.13 mmol/L - 8-Hydroxychinoline: 35 mmol/L - Hydrochloric acid: 100 mmol/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	4
11	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Thành phần hoạt chất: Hóa chất 1 (R1) - Good's buffer pH 6.8: 20 mmol/L - Cholesterol esterase (CHE): ≥ 2.5 kU/L - Cholesterol oxidase (CHO): ≥ 2.5 kU/L - N-(2-Hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (H-DAOS): 0.5 mmol/L - Catalase: ≥500 kU/L Hóa chất 2 (R2) - Good's buffer pH 7.0: 25 mmol/L - 4-Aminoantipyrine: 3.4 mmol/L - Peroxidase (POD): ≥ 15 kU/L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.	3	Hộp	3
12	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Multitrol patho là một dung dịch chuẩn đa thông số được dùng cho việc định lượng sinh hóa lâm sàng	3	Hộp	1
13	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	Multitrol normal là một dung dịch chuẩn đa thông số được dùng cho việc định lượng sinh hóa lâm sàng	3	Lọ	6
14	Dung dịch dùng trong phòng thí nghiệm	Phân loại hóa chất hỗn hợp. + Ăn mòn kim loại (nhóm 1), H290 + Kích ứng da (nhóm 2), H315 + Kích ứng mắt(nhóm 2), H319 - Đóng gói: 2,5 lít/ can. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001	KPN	Can	2
15	Chất thử, hóa chất sử dụng cho máy phân tích sinh hóa	- Chất chuẩn đa lượng là chất hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người với các chất phụ gia hóa học và vật liệu có nguồn gốc sinh học - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Đóng gói: 3 ml / lọ"	3	Hộp	2
II.	**Hóa chất huyết học, Vi sinh**				

16	IVD pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Can	5
17	IVD ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Can	3
18	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lí: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether" Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Can	3
19	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch trong suốt và không màu. Thành phần: Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Hộp	2
20	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch trong suốt và không màu. Thành phần: Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Hộp	2
21	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. Thành phần: Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3	Hộp	4
22	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	- Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 Thành phần: Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5%, Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1%; Nhiệt độ bảo quản: Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	3	Hộp	2

23	Anti A(IgM)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. ISO-13485	6	Lọ	4
24	Anti B (IgM)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. ISO-13485	6	Lọ	4
25	Anti AB (IgM)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485	6	Lọ	4
26	Anti D (IgM+IgG)	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225. ISO-13485	6	Lọ	4
27	Javen	Có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng, nồng độ 10-12%	KPN	Can	2
28	Dung dịch nhuộm	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranine chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm - Đóng gói: Bộ 4 chai x 250ml có vòi bơm tiện dụng	5	Bộ	4
29	Dung dịch EA-50 nhuộm tế bào thường quy	- Dung dịch nhuộm Papanicolaou EA50, dạng lỏng, màu xanh, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89.5°C - Điểm chớp cháy: ~13 °C	KPN	Chai	1
30	Dung dịch OG-6 nhuộm tế bào thường quy	Dung dịch nhuộm Papanicolaou OG-6, dạng lỏng, màu cam, mùi cồn tự nhiên, có thể hòa tan trong nước - Điểm nóng chảy / điểm đóng băng: ~ -114°C - Điểm sôi và Phạm vi sôi: 78-80 °C - Điểm nóng chảy / Điểm đóng băng: -89.5°C - Điểm chớp cháy: ~13 °C	KPN	Chai	1

31	Dung dịch Hematoxylin nhuộm nhân trong nhuộm tế bào thường quy	Dung dịch nhuộm hematoxyline harris, không có thành phần muối thủy ngân clorit, có màu tím đậm, độ pH: 2.3-2.5	KPN	Chai	1
32	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	ABX Minotrol 16 là chất đối chiếu (control) đa thông số 3 mức để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để sử dụng trong việc theo dõi độ đúng và độ chính xác của các máy đếm tế bào máu dùng trong huyết học. - ABX Minotrol 16 về cảm quan giống với máu tươi toàn phần. Chất nổi trên bề mặt màu hồng nhạt là bình thường. - Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.	3	Hộp	2
33	Máu chuẩn	Máu chuẩn cho máy huyết học Mindray 3 thành phần	3	Bộ	2
34	Hóa chất soi nấm da (KOH 20 %)	KOH 20%	KPN	Lọ	10
35	FENDONA 10SC	Chế phẩm sinh học có công dụng diệt muỗi, gián, kiến, ruồi, bọ chét, rệp giường…	KPN	Lít	10
III.	**Vật tư y tế, sinh phẩm**				
III.1	**Vật tư y tế**				
36	Găng tay sử dụng trong thăm khám các loại, các cỡ	Đươc sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, thuận cho cả tay trái và tay phải. Mềm mại, đàn hồi tốt. Chiều dài tối thiểu: 240mm, Độ dày lòng bàn tay: 0.10mm, ngón tay tối thiểu: 0.11mm. Độ dãn dài trước/sau lão hóa tối thiểu: 650%/500%.	4	Đôi	11.000

37	Khẩu trang y tế 4 lớp	- 02 lớp ngoài: Vải không dệt được làm từ polypropylene - 02 Lớp giữa: Vải lọc được làm từ polypropylene đạt tiêu chuẩn, không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn…	4	Cái	6.400
38	Bông y tế cắt miếng 3cm x 3cm 500g	Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 3cm x 3cm đồng đều về kích thước và trọng lượng. Độ acid và độ kiềm: Trung tính	5	Gói	10
39	Cồn 70 độ	Cồn 70 độ, đóng chai 500ml.	KPN	Chai	46
40	Cồn 90 độ	Cồn 90 độ, trong suốt không màu, đóng chai 500ml	KPN	Chai	56
41	Cồn 96 độ	Ethanol 96%, trong suốt k màu	KPN	Can	1
42	Cồn tuyệt đối chai 500ml	Ethanol 99,9%, Trong suốt không màu, có mùi đặc trưng	KPN	Chai	10
43	Lamen 22mm x 22mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	6	Hộp to	10
44	Lam kính mài	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm.	6	Miếng	5.760
45	Phim dùng cho chụp X-quang y tế (20X25cm)	Phim khô laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3	KPN	Hộp	12
46	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm,không gây mẩn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	5	Can	8

47	Giấy in siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m Dùng được cho các loại máy Sony; Mishubishi Giấy không dòng kẻ	6	Cuộn	40
48	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mm x 30m x 12mm Không dòng kẻ	6	Cuộn	50
49	Hộp an toàn đựng bơm kim tiêm đã qua sử dụng	Dùng đựng bơm và kim tiêm đã qua sử dụng.	KPN	Chiếc	100
50	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016	5	Cái	1.300
51	Ống nghiệm nhựa 16x100, có nút	chất liệu : nhựa PS, chiều dài khoảng 100mm, đường kính ngoài 16mm, dung tích 10ml ; có nắp - Ống xét nghiệm được ép bằng nhựa PS chánh phẩm không lẫn tạp chất, đảm bảo các ống đồng nhất về kích thước và số lượng. - Ống không có chất bôi trơn nên không gây nguy cơ nhiễm bẩn mẫu thử. - Thành ống dày đảm bảo chịu được lực quay ly tâm đến 5000 RPM mà không bị rạn nứt.	6	Cái	600
52	Chống đông Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định .	5	Ống	600

53	Chống đông EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương,nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút.	5	Ống	600
54	Ống nghiệm Serum hạt nhựa	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định	5	Ống	300
55	Sample cup	- Được làm bằng nhựa PS (Polystyrene) chất lượng cao, không chứa kim loại. Kích thước: (dài) 3.8cm x (đường kính miệng) 1.6cm x (đường kính đáy) 1cm - Đựng mẫu cho máy đông máu. - Tương thích cho máy Hitachi 7150 và 7060	6	Cái	500
56	Giấy in điện tim không dòng kẻ	Kích thước 110mm x 140mm x 143 tờ. Giấy không có dòng kẻ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	6	Tập	60
57	Kim chích máu các loại, các cỡ	Kim sử dụng được cho tất cả các loại bút lấy máu. Sử dụng được cho các xét nghiệm khác.	KPN	Cái	400
58	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi kính hiển vi	KPN	Chai	1

59	Băng dính cá nhân y tế	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 19mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	5	Hộp	60
60	Ống falcon 50ml (Ống ly tâm lưu mẫu xét nghiệm 50ml)	Ống ly tâm đáy nhọn, có nắp vặn, có vạch chia thể tích trên thân ống Dung tích: khoảng 50 ml . Chất liệu: nhựa Polypropylene	6	Chiếc	500
61	DUNG DỊCH SÁT KHUẨN POVIDONE 10% 500ML	Povidon iod 10%	KPN	Chai	20
62	Dung dịch acid acetic	Acid acetic 3%	KPN	Chai	10
63	Dung dịch Lugol	Lugol 3%	KPN	chai	14
64	Bông y tế thấm nước 1kg	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	5	Gói	3
65	Gel bôi trơn KLY	Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo…. Nó không gây ra dị ứng, không gây khích ứng da. Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485:2016; 14001:2015; GMP; CE	6	Tuýp	16
66	Presept 2,5g	Viên khử khuẩn Presept 2,5gr	KPN	Hộp	9

67	Nước muối	nước muối trong suốt không màu, muối 0.9%	KPN	Chai	24
68	Gạc y tế 5cm x 5cm x 8 lớp (tiệt trùng)	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m2. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	5	Miếng	8.000
69	Cốc đựng đờm	Sử dụng 1 lần , chất liệu nhựa	KPN	Chiếc	400
70	Que nhuộm Fluorescein Sodium	Que nhuộm Fluorescein Sodium được sử dụng để đánh giá tổn thương của bề mặt nhãn cầu.	KPN	Hộp	3
71	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha-Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	KPN	chai	20
72	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Đầu côn hoặc đầu xoắn, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP, Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016	5	Cái	200
73	Băng dính cuộn vải lụa y tế	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng 2,5cm x 5m.	5	Hộp	12
74	Kim nha khoa 27G	Kim nha khoa G27	KPN	Cái	200

75	Tăm bông vô trùng	Que tăm bông được tiệt trùng, đựng trong mỗi ống nhựa, chiều dài tối đa 18cm - Thân que được làm bằng gỗ, một đầu gắn chặt với nắp ống, 1 đầu cuốn bông - Nắp ống được làm bằng nhựa PP chánh phẩm. Nắp màu đỏ - Sản phẩm sử dụng một lần	6	Chiếc	1.400
76	Lưỡi dao mổ	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. TC ISO 13485	4	Cái	100
77	Băng dính cá nhân y tế	Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. Đệm thấm dịch: Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 38mm x 72mm. Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	5	Hộp	4
78	Đè lưỡi gỗ	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, mỗi que được đóng vào 01 túi và được tiệt trùng bằng khí EO.	5	Cái	2.000
79	Paste dẫn truyền	Dùng cho máy điện não đồ Hộp 3 bánh, mỗi bánh 400g	KPN	Hộp	1
80	Que cấy nhựa vô trùng	Bịch 50 que vô trùng, đóng gói 2 que/ túi. Dùng để cấy vào đĩa thạch	KPN	Cái	300
III.2	**Sinh phẩm**				

81	Que thử đường huyết	Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd). Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không bị ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. Độ chính xác cao vượt tiêu chuẩn ISO 15197:2013, cho kết quả đo tĩnh mạch tương đương 99,8% với kết quả phòng xét nghiệm. Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4µL. Ứng dụng thuật toán được cấp bằng sáng chế: quét mẫu máu 500 lần trong vòng 5 giây để loại bỏ các yếu tố gây nhiễu. Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) Khoảng Hematocrit: 20 - 60%. Sử dụng cho dòng máy OT Verio Pro+, VerioVue.	1	Hộp	4
82	Que thử đường huyết	Đo bằng phương pháp: Kỹ thuật hóa điện cực được thiết kế đặc biệt với 2 điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd). Sử dụng men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (FAD-GDH) rất đặc hiệu với glucose (chỉ phản ứng với glucose) cho kết quả chính xác vì không ảnh hưởng bởi nồng độ oxy và các loại đường như maltose, galactose có trong máu. Độ chính xác cao đạt tiêu chuẩn EN ISO 15197:2015. Mã hóa tự động nhận que không cần hiệu chỉnh hay cài đặt. Que thử tự thấm hút nhanh, dễ dàng thấm đủ lượng máu. Loại mẫu máu: mao mạch. Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4µL. Phạm vi đo lường Glucose: 20-600 mg/dL (1,1-33,3 mmol/L). Khoảng Hematocrit: 20 - 60%. Sử dụng cho máy đo OneTouch Ultra Plus Flex.	3	Hộp	5
83	Que thử nước tiểu dùng cho máy phân tích nước tiểu	Các chỉ số đo: Gluscose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. Hộp 100 test. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	3	Hộp	4
84	Tets thử xét nghiệm kháng nguyên HBs	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 - Vạch kết qủa IgG chuột kháng HBsAg-B20 - Vạch chứng IgG dê kháng chuột - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	6	Test	200

85	Test thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,…đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Bảo quản ở nhiệt độ thường	6	Test	200
86	Test nhanh chuẩn đoán giang mai	Định tính kháng thể kháng giang mai trong huyết thanh hay huyết tương người. Cộng hợp vàng : Kháng nguyên tái tổ hợp Treponema Pallidum (R47,R17,R15); Vạch thử : Kháng nguyên tái tổ hợp treponema pallidum (R47,R17,R15) - Độ nhạy tương đối: 99.3 %, độ đặc hiệu tương đối: 99.5 %. Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO	6	Test	200
87	Test thử phát hiện Chlamydia	Phát hiện định tính, trực tiếp kháng nguyên Chlamydia trachomatis. - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Ngưỡng phát hiện: 5x104 IFU/ml - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes sinplex virus, Mycoplasma hominis.....	6	Test	200
88	Test nước tiểu 11 thông số	Dùng để thử nước tiểu 11 thông số (Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu, AsA).	4	Test	200
89	Que thử/ Khay thử xét nghiệm chất gây nghiện trong mẫu nước tiểu	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Morphine: 300 ng/ml + MDMA: 500 ng/ml + Methamphetamine: 500 ng/ml + THC: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Hộp 15 Test	5	Test	400
IV.	**Hóa chất Vi sinh nước**				
90	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	TBX Agar là một môi trường chọn lọc sắc tố được sử dụng để phân lập và xác định Escherichia coli trong thực phẩm	KPN	Hộp	1

91	Chủng chuẩn vi sinh vật	Que cấy chủng chuẩn Citrobacter freundii ATCC® 8090™* Code: R4601800 - Culti Loop là sản phẩm sẵn sàng cho sử dụng, que cấy đầu vòng tròn, được dùng một lần, chứa đựng một lượng vi sinh vật có khả năng sống và phát triển ổn định - Để phục hồi sinh vật, chỉ cần làm ẩm màng gel bằng cách đặt vòng tròn trực tiếp lên đĩa thạch ẩm trong 10-15 giây. Không cần bù nước - Mỗi que cấy được đóng gói độc lập trong giấy bạc - Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485. - Bảo quản: 2–8°C	3	Hộp	1
92	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	Muối tinh khiết dùng để làm thành phần cho môi trường nuôi cấy. Đặc tính hóa lý: hòa tan trong nước	KPN	Hộp	1
93	Môi trường/Chất bổ trợ nuôi cấy vi sinh	Môi trường để liệt kê các sinh vật dị dưỡng trong nước, theo EP và APHA.	KPN	Hộp	1
94	Môi trường Mannitol Salt acc.to Chapman LAB-AGAR™ (acc.to USP)	Môi trường chọn lọc nhằm phân lập các tác nhân staphylococci gây bệnh. Hầu hết các vi khuẩn khác bị ức chế, ngoại trừ một số loại ưa mặn.	KPN	Chai	1
95	Thuốc thử Kovac	Xác định khả năng của vi sinh vật	KPN	Lọ	1
96	Chỉ thị sinh học 3M	Được thiết kế để kiểm tra chất lượng và kiểm soát quá trình tiệt khuẩn hơi nước kiểu trọng lực ở nhiệt độ 121°C và hút chân không ở 132 ° C.	KPN	Ống	200
97	Màng lọc Cellulose nitrate 47mm	Bộ lọc có lưới trắng được làm từ các este hỗn hợp của xenlulo (MCE), được tối ưu hóa để phân tích vi sinh theo phương pháp MF đối với nước hoặc các chất lỏng khác - Màu bộ lọc: màu trắng - Tiệt trùng, ưa nước - Kích thước lỗ lọc 0,45 µm, đường kính 47 mm, bề mặt lọc có chia ô	KPN	Thùng	1

98	Màng lọc Cellulose nitrate 47mm	- Bộ lọc có lưới trắng được làm từ các este hỗn hợp của xenlulo (MCE), được tối ưu hóa để phân tích vi sinh theo phương pháp MF đối với nước hoặc các chất lỏng khác - Màu bộ lọc: màu trắng - Tiệt trùng, ưa nước - Kích thước lỗ lọc 0,22 µm, đường kính 47 mm, bề mặt lọc có chia ô	KPN	Thùng	1
99	Egg yolk emulsion	Nhũ tương màu vàng nhạt Thành phần: lòng đỏ trứng, potassium tellurite	KPN	chai	5
100	Chromocult coliform agar	Môi trường xét nghiệm chỉ tiêu coliform, Ecoli trong nước	KPN	chai	1
V.	**Hóa chất Lý Hóa nước**				
101	Ống chuẩn Trilon B (Na2-EDTA2 H2O)	Công thức hoá học: C(Na2 - EDTA2H2O) khối lượng phân tử =0.1 mol/l, mã code:1.09992.0001	KPN	Ống	1
102	Chuẩn pH 4.01	Dung dịch chuẩn pH 4.00, Mật độ 1,01 g/cm3 (20 °C), mã code:1.09435.	KPN	Chai	1
103	Chuẩn pH 7.00	Dung dịch chuẩn pH 7.00 (20°C), Mật độ 1,01 g/cm3 (20 °C), mã code: 1.09439.	KPN	Chai	1
104	Complexon III (C10H16N2O8)	Khối lượng phân tử: 292.244 g/mol Tỷ trọng: 0,860 g cm 3 (ở 20 ° C) Độ pH = 10.5-11.5. mã code1.084.18.	KPN	Lọ	2

105	Amoni axetat (CH3COONH4)	Acetic acid ammonium, công thức (CH3COONH4) Nguyên tử / Phân tử khối (g/mol) 77.0825 Khối lượng riêng (kg/m3) 1170 mãcode: 1.01116.	KPN	Lọ	1
106	Dung dịch chuẩn sulfate 1000 mg/l	Công thức: Na_2SO_4 in H_2O 1000 mg/l SO_4, Khối lượng riêng:0.998 g/cm3 (20oC) Nồng độ: 990 - 1010 mg/l, mã code: 1.19813.	KPN	Chai	1
107	Dung dịch chuẩn Fluoride 1000mg/l	công thức NaF in H_2O 1000 mg/l F, mã code: 1.19814.	KPN	Chai	1
VI.	**Dụng cụ y tế khác**				
108	Dụng cụ hút/lấy mẫu các loại	-Pipet 1 kênh -Khóa dung tích cài đặt lấy mẫu -Chức năng thổi giọt mẫu cuối cùng đọng lại trong các đầu lấy mẫu không làm thất thoát mẫu	KPN	Cái	1
109	Kéo	Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được.	6	Cái	2